

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng kinh tế xây dựng 4 Ngành : Kinh tế xây dựng Năm học : 2010 - 2011 ĐVHT : 4
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Quy hoạch tuyến tính Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3372020001	Hoàng Bảo	An	10/05/1990	7						7.00	2.10	1.00	0.70	3	Học lại
2	3372020006	Nguyễn Toàn	Anh	02/06/1990	5	2					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
3	3372020012	K	Bih	23/12/1988	2	7					4.50	1.35	3.00	2.10	3	
4	3372020013	Huỳnh Quý	Bình	27/02/1991	9	8					8.50	2.55	4.00	2.80	5	
5	3372020015	Phạm Minh	Chánh	25/08/1991	9	7					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
6	3372020019	Đinh Võ	Công	25/09/1991	6	8					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
7	3372020021	Lê Văn	Cương	08/08/1991	7	5					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
8	3372020031	Nguyễn Kim	Diệu	28/05/1991	9	8					8.50	2.55	2.00	1.40	4	
9	3372020032	Bùi Trung	Dũng	24/08/1991	7	6					6.50	1.95	7.00	4.90	7	Học lại
10	3372020033	Nguyễn Thế	Dũng	23/11/1990	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
11	3372020036	Tạ Công	Dự	30/03/1991	5	7					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
12	3372020037	Đỗ Minh	Dương	04/08/1991	6	5					5.50	1.65	4.00	2.80	4	
13	3372020045	Mai Huy	Điệp	17/06/1990	4	6					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
14	3372020050	Lê Quang	Đức	05/03/1991	6	5					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
15	3372020054	Thái Quang	Giàu	04/03/1991	8	8					8.00	2.40	7.00	4.90	7	
16	3372020055	Võ Thị Ngọc	Giàu	19/08/1991	9	8					8.50	2.55	5.00	3.50	6	
17	3372020056	Văn Đình	Hân	03/03/1991	9	8					8.50	2.55	6.00	4.20	7	
18	3372020066	Phạm Nam	Hải	06/06/1988	6	6					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
19	3372020073	Phạm Thế	Hiển	16/03/1991	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
20	3372020074	Đàng Nữ Ngọc	Hoăng	02/09/1989	5	6					5.50	1.65	3.00	2.10	4	
21	3372020075	Bùi Xuân	Hoàn	12/09/1991	6	5					5.50	1.65	3.00	2.10	4	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3372020078	Đàm Văn	Huân	19/09/1990	7	7					7.00	2.10	3.00	2.10	4	
23	3372020086	Võ Thành	Huy	12/08/1990	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
24	3372020087	Nguyễn Hữu	Hưng	10/02/1990	6	5					5.50	1.65	9.00	6.30	8	
25	3372020088	Mai Văn	Hướng	20/01/1991	9	8					8.50	2.55	4.00	2.80	5	
26	3372020094	Trương Đăng	Khoa	11/09/1990	7	7					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
27	3372020100	Nguyễn Thới	Lai	19/06/1991	3	4					3.50	1.05	6.00	4.20	5	
28	3372020109	Phan Thành	Lợi	15/03/1991	6	9					7.50	2.25	4.00	2.80	5	
29	3372020115	Nguyễn Thành	Minh	01/01/1991	6	5					5.50	1.65	8.00	5.60	7	
30	3372020116	Huỳnh Thị Kim	Mỹ	10/02/1991	6	7					6.50	1.95	9.00	6.30	8	
31	3372020122	Võ Thị Mỹ	Ngọc	17/03/1991	5	7					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
32	3372020133	Cao Thị Thanh	Nhung	02/04/1990	7	8					7.50	2.25	8.00	5.60	8	
33	3372020140	Nguyễn Văn	Phụng	30/06/1990	5	5					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
34	3372020141	Hoàng Chương	Phú	18/01/1990	4	3					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
35	3372020150	Trần Duy	Quang	03/02/1991	9	4					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
36	3372020157	Phan Hữu	Quỳnh	22/08/1991	7						7.00	2.10	9.00	6.30	8	Học lại
37	3372020160	Phạm Thanh	Sang	01/01/1990	7						7.00	2.10	7.00	4.90	7	Học lại
38	3372020164	Nguyễn Trường	Sơn	14/06/1991	9	8					8.50	2.55	6.00	4.20	7	
39	3372020165	Phan Tấn	Sơn	15/09/1991	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
40	3372020166	Lê Thời	Sự	27/05/1990	7	5					6.00	1.80	9.00	6.30	8	
41	3372020174	Nguyễn Đình	Thắng	16/05/1990	9	5					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
42	3372020178	Nguyễn Trung	Thành	06/08/1990	6	4					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
43	3372020181	Nguyễn Văn	Thái	01/01/1990	5	3					4.00	1.20	6.00	4.20	5	
44	3372020191	Võ Thị Thu	Thủy	27/01/1991	9	8					8.50	2.55	5.00	3.50	6	
45	3372020216	Huỳnh Thanh	Trúc	26/06/1991	5	5					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
46	3372020223	Nguyễn Thanh	Tuấn	10/02/1991	8	8					8.00	2.40	7.00	4.90	7	
47	3372020227	Võ Thanh	Tùng	08/10/1990	6	4					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
48	3372020235	Trần Dương Phúc	Việt	05/10/1991	8	9					8.50	2.55	9.00	6.30	9	

STT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
49	3372020239	Lê Minh Vương	02/08/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
50	3372020243	Nguyễn Đình Như Ý	20/08/1990	7	7					7.00	2.10	3.00	2.10	4	

Tổng: 50.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	1	2.0
Giỏi	6	12.0
Khá	8	16.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	8	16.0
Trung bình	15	30.0
Không đạt	12	24.0
Miễn thi	0	0.0

Trưởng Khoa

Tp.HCM, ngày/....../.....
 Giáo Vụ Khoa